

Số: **280**/PCTT-VPĐK-ĐK

TP. Hồ Chí Minh, ngày **01** tháng **8** năm 2025

**PHIẾU CHUYỂN THÔNG TIN
ĐỂ XÁC ĐỊNH NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI**

Kính gửi: Thuế cơ sở 14 Thành phố Hồ Chí Minh

I. THÔNG TIN VỀ HỒ SƠ THỦ TỤC

- 1.1. Mã hồ sơ: Biên nhận số 222, 223, 225-231, 233- 243, 245-261 năm 2025
(Theo danh sách đính kèm 37 hồ sơ)
1.2. Ngày nhận hồ sơ: ngày 10 tháng 7 năm 2025.

II. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

- 2.1. Tên: Các cá nhân nước ngoài theo danh sách đính kèm 37 hồ sơ.
2.2. Địa chỉ: -/-
2.3. Số điện thoại liên hệ: -/-; Email (nếu có): /.
2.4. Mã số thuế (nếu có): /.
2.5. Giấy tờ nhân thân/pháp nhân:.....
2.6. Loại thủ tục cần xác định nghĩa vụ tài chính: Cấp Giấy chứng nhận cho người mua nhà trong dự án.

III. THÔNG TIN VỀ ĐẤT VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

- 3.1. Thông tin về đất
3.1.1. Thửa đất số: 1 ; Tờ bản đồ số: 39 thuộc phường 19, quận Bình Thạnh
(Nay là tờ bản đồ số 130, phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh).
3.1.2. Địa chỉ tại: 59 Ngô Tất Tố, Phường 21, quận Bình Thạnh
(Nay là phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh).
Vị trí 1, đường Ngô Tất Tố.
3.1.3. Giá đất: 113.400.000 đồng /m².
3.1.4 Diện tích thửa đất: 22.889 m²
- Diện tích sử dụng chung: 22.889 m²
- Diện tích sử dụng riêng: /m²
- Diện tích phải nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất: / m²
- Diện tích không phải nộp tiền sử dụng đất (tiền thuê đất): / m²
- Diện tích đất trong hạn mức: / m²
- Diện tích đất ngoài hạn mức: / m²

3.1.5. Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất. 3.1.6. Mục đích sử dụng đất: Đất ở tại đô thị. 3.1.7. Thời hạn sử dụng đất: Bằng thời hạn sở hữu căn hộ này đối với phần quyền sử dụng đất của nhà chung cư gắn với quyền sở hữu căn hộ này. 3.1.8. Thời điểm bắt đầu sử dụng đất từ ngày:...../...../.....; 3.1.9. Hình thức sử dụng đất: Giao đất có thu tiền sử dụng đất. 3.1.10. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T00411/3a ngày 21 tháng 01 năm 2008 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp.
3.2. Thông tin về tài sản gắn liền với đất (Theo danh sách đính kèm 37 hồ sơ). 3.2.1. Loại nhà ở, công trình: Căn hộ Chung cư City Garden; cấp hạng nhà ở, công trình: cấp I ; 3.2.2. Diện tích xây dựng: /m²; 3.2.3. Diện tích sàn xây dựng / Diện tích sử dụng: /m²; 3.2.4. Hình thức sở hữu: 3.2.5. Số tầng: Tháp 3A: 27 tầng + 01 hầm; Tháp 3B: 30 tầng + 01 hầm; Tháp 4: 28 tầng + 01 hầm; trong đó, số tầng nổi: -/- tầng, số tầng hầm: -/- tầng; Kết cấu: Tường gạch, khung, sàn BTCT, mái BTCT; Năm hoàn thành: 3.2.6. Nguồn gốc: /. 3.2.7 Năm hoàn thành xây dựng: 2018. 3.2.7. Thời hạn sở hữu đến: 50 năm, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở.
IV. THÔNG TIN VỀ NHU CẦU GHI NỢ NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH
- Tiền sử dụng đất: /. - Lệ phí trước bạ: /.
V. NHỮNG GIẤY TỜ KÈM THEO DO NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT NỘP - Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất; - Bản vẽ sơ đồ nhà đất; - Hợp đồng mua bán nhà ở, văn bản chuyển nhượng Hợp đồng mua bán nhà ở .

Nơi nhận:

- Như trên;
 - VP Sở NN&MT(để b/c);
 - Trung tâm CNTT (để đăng tin);
 - Công ty Cổ phần City Garden;
 - Các cá nhân theo danh sách đính kèm (để thực hiện);
 - Lưu: VT, ĐK(HS), Hăng.
- BN số 222, 223, 225-231, 233- 243, 245-261 (37 hồ sơ)

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Thành Phương

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH 37 HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
THỰC CHUNG CỨ CITY GARDEN, PHƯỜNG THẠNH MỸ TÂY, TP HỒ CHÍ MINH
(Đính kèm Phụ lục chuyển số.....280/.../PCCTT-VPĐK-ĐK ngày 01/.../2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố)

STT	Số biên nhận	Tên khách hàng	Mã căn hộ theo hợp đồng	Căn hộ theo cấp số nhà	Tầng số	Tháp	Diện tích sử dụng (m2)	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sở hữu	Loại tài sản
1	222	Ông CHEN, LI-TING Năm sinh: 1965, Hộ chiếu: 363210711, cấp ngày 27/6/2023 Quốc tịch: Trung Quốc (Đài Loan) Bà CHEN, CHIN-HSIU Năm sinh: 1964, Hộ chiếu: 351637807, cấp ngày 16/01/2019 Quốc tịch: Trung Quốc (Đài Loan)	C-202	C-2.02	2	4	103.20	106.70	Sở hữu chung	Căn hộ ở
2	223	Ông LEUNG WAYNE TUN WEI Năm sinh: 1979, Hộ chiếu: KJ0631932, cấp ngày 14/9/2017 Quốc tịch: Trung Quốc	C-301	C-3.01	3	4	70.90	75.50	Sở hữu riêng	Căn hộ ở
3	225	Ông LU, FANG - YEN Năm sinh: 1963, Hộ chiếu: 360639209, cấp ngày 02/8/2022 Quốc tịch: Trung Quốc (Đài Loan)	C-303	C-3.03	3	4	105.50	110.10	Sở hữu riêng	Căn hộ ở
4	226	Ông HUANG, DA-JAN Năm sinh: 1975, Hộ chiếu: 363301974, cấp ngày 10/7/2023 Quốc tịch: Trung Quốc (Đài Loan)	C-304	C-3.04	3	4	68.00	72.30	Sở hữu riêng	Căn hộ ở

5	227	Ông YU, CHUNG - CHEN Năm sinh: 1965, Hộ chiếu: 368202943, cấp ngày 26/03/2025 Quốc tịch: Trung Quốc (Đài Loan) Bà TANG, YU - FANG Năm sinh: 1963, Hộ chiếu: 360103867, cấp ngày 30/3/2021 Quốc tịch: Trung Quốc (Đài Loan)	C-306	C-3.06	3	4	133.40	137.90	Sở hữu chung	Căn hộ ở
6	228	Ông DRUBAY JEAN-CHARLES Năm sinh: 1981, Hộ chiếu: 24CE09244, cấp ngày 23/02/2024 Quốc tịch: Pháp	C-401	C-4.01	4	4	70.90	75.50	Sở hữu riêng	Căn hộ ở
7	229	Ông CHAN AARON WEI-LI Năm sinh: 1976, Hộ chiếu: P812362NG, cấp ngày 06/6/2024 Quốc tịch: Canada	C-602	C-6.02	6	4	103.20	106.70	Sở hữu riêng	Căn hộ ở
8	230	Ông RICHARD JEAN-JACQUES, PIERRE Năm sinh: 1957, Hộ chiếu: 23FV10514, cấp ngày 10/01/2024 Quốc tịch: Pháp	C-607	C-6.07	6	4	66.20	69.80	Sở hữu riêng	Căn hộ ở
9	231	Ông YU, CHUNG - CHEN Năm sinh: 1965, Hộ chiếu: 368202943, cấp ngày 26/03/2025 Quốc tịch: Trung Quốc (Đài Loan) Bà TANG, YU - FANG Năm sinh: 1963, Hộ chiếu: 360103867, cấp ngày 30/3/2021 Quốc tịch: Trung Quốc (Đài Loan)	C-801	C-8.01	8	4	70.90	75.50	Sở hữu chung	Căn hộ ở
10	233	Bà WU, MEI-HUI Năm sinh: 1977, Hộ chiếu: 366320656, cấp ngày 14/6/2024 Quốc tịch: Trung Quốc (Đài Loan)	C-1007	C-10.07	10	4	66.30	69.90	Sở hữu riêng	Căn hộ ở

11	234	Ông FENG RONG Năm sinh: 1989, Hộ chiếu: H23797325, cấp ngày 31/3/2025 Quốc tịch: Trung Quốc Bà LAN YANG Năm sinh: 1990, Hộ chiếu: H20721557, cấp ngày 04/5/2021 Quốc tịch: Trung Quốc	C-1905	C-19.05	19	4	134.10	137.90	Sở hữu chung	Căn hộ ở
12	235	Ông LAUB SAMUEL NATHAN Năm sinh: 1983, Hộ chiếu: ES531155, cấp ngày 29/11/2019 Quốc tịch: Bỉ Bà NGUYỄN LIÊN ANH Năm sinh: 1989, CC: 001189014551 Địa chỉ thường trú: C-2101 City Garden, 59 Ngõ Tắt Tố, P. 19, Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh	C-2101	C-21.01	21	4	140.80	146.70	Sở hữu chung	Căn hộ ở
13	236	Ông LEUNG WAYNE TUN WEI Năm sinh: 1979, Hộ chiếu: KJ0631932, cấp ngày 14/9/2017 Quốc tịch: Trung Quốc	C-2201	C-22.01	22	4	140.80	146.70	Sở hữu riêng	Căn hộ ở
14	237	Ông DUCZKO LUKAS GEORG NOAM Năm sinh: 1982, Hộ chiếu: AA5705755, cấp ngày 01/7/2024 Quốc tịch: Thụy Điển	C-2302	C-23.02	23	4	102.90	106.20	Sở hữu riêng	Căn hộ ở
15	238	Ông LU, FANG - YEN Năm sinh: 1963, Hộ chiếu: 360639209, cấp ngày 02/8/2022 Quốc tịch: Trung Quốc (Đài Loan)	C-2503	C-25.03	25	4	105.80	109.30	Sở hữu riêng	Căn hộ ở
16	239	Ông DOLGIN-GARDNER BENJAMIN Năm sinh: 1982, Hộ chiếu: A35252100, cấp ngày 06/02/2024 Quốc tịch: Hoa Kỳ	C-2704	C-27.04	27	4	132.30	138.10	Sở hữu riêng	Căn hộ ở

17	240	Ông BRINKEBORN BESELIN CHRISTOPHER BERTRAM Năm sinh:1983, Hộ chiếu: AA6423924, cấp ngày 03/01/2025 Quốc tịch: Thụy Điển Bà BESELIN ANNKA MONA CHARLOTTA Năm sinh:1986, Hộ chiếu: AA2939283, cấp ngày 23/12/2022 Quốc tịch: Thụy Điển	C-2801	C-28.01	28	4	141.50	148.20	Sở hữu chung	Căn hộ ở
18	241	Ông CHEO HUAT CHIN MERVYN DANIEL Năm sinh:1975, Hộ chiếu:K2453744H, cấp ngày 24/01/2022 Quốc tịch: Singapore	C-28A01	C-28A.01	28A	4	265.90	291.30	Sở hữu riêng	Căn hộ ở
19	242	Bà HUYNH LY DUYEN Năm sinh:1978, Hộ chiếu: K4757064K, cấp ngày 20/02/2024 Quốc tịch:Singapore	P1-703	P1-7.03	7	3A	65.20	68.60	Sở hữu riêng	Căn hộ ở
20	243	Ông HOWE STUART NIEL JAMES Năm sinh:1982, Hộ chiếu: 538662728, cấp ngày 25/10/2016 Quốc tịch: Anh Bà LEE YOORI Năm sinh:1984, Hộ chiếu:M382C9853, cấp ngày 24/02/2022 Quốc tịch: Hàn Quốc	P1-1003	P1-10.03	10	3A	65.20	68.60	Sở hữu chung	Căn hộ ở
21	245	Ông JHENG, KUN-HUANG Năm sinh:1982, Hộ chiếu: 315106430, cấp ngày 09/5/2017 Quốc tịch: Trung Quốc (Đài Loan)	P1-12A01	P1-12A.01	12A	3A	66.20	69.70	Sở hữu riêng	Căn hộ ở
22	246	Ông CARRASCO FABRICE, PASCAL Năm sinh:1973, Hộ chiếu: 20FV19056, cấp ngày 12/10/2021 Quốc tịch: Pháp Bà LASSEERE JULIETTE, MARIE-LAURE Năm sinh:1973, Hộ chiếu: 21AF56279, cấp ngày 12/4/2021 Quốc tịch: Pháp	P1-1401	P1-14.01	14	3A	66.20	69.70	Sở hữu chung	Căn hộ ở

23	247	Ông CARRASCO FABRICE, PASCAL Năm sinh: 1973, Hộ chiếu: 20FV19056, cấp ngày 12/10/2021 Quốc tịch: Pháp Bà LASSERRE JULIETTE, MARIE-LAURE Năm sinh: 1973, Hộ chiếu: 21AF56279, cấp ngày 12/4/2021 Quốc tịch: Pháp	P1-1404	P1-14.04	14	3A	71.10	76.50	Sở hữu chung	Căn hộ ở
24	248	Ông HANSEN JACOB HARTVIG Năm sinh: 1978, Hộ chiếu: 211313691, cấp ngày 03/6/2019 Quốc tịch: Đan Mạch	P1-1502	P1-15.02	15	3A	151.50	161.60	Sở hữu riêng	Căn hộ ở
25	249	Ông LAIMBOECK ANDREAS MARIO Năm sinh: 1979, Hộ chiếu: C4JG8JL42, cấp ngày 23/8/2017 Quốc tịch: Đức	P1-1504	P1-15.04	15	3A	177.60	186.70	Sở hữu riêng	Căn hộ ở
26	250	Ông HUBERT OLIVIER, ROBERT Năm sinh: 1967, Hộ chiếu: 21FV03737, cấp ngày 25/01/2022 Quốc tịch: Pháp	P1-2201	P1-22.01	22	3A	139.60	147.10	Sở hữu riêng	Căn hộ ở
27	251	Ông LAIMBOECK ANDREAS MARIO Năm sinh: 1979, Hộ chiếu: C4JG8JL42, cấp ngày 23/8/2017 Quốc tịch: Đức	P1-2602	P1-26.02	26	3A	153.40	159.80	Sở hữu riêng	Căn hộ ở
28	252	Ông LAIMBOECK ANDREAS MARIO Năm sinh: 1979, Hộ chiếu: C4JG8JL42, cấp ngày 23/8/2017 Quốc tịch: Đức	P1-2703	P1-27.03	27	3A	140.90	147.80	Sở hữu riêng	Căn hộ ở
29	253	Ông TSAO HONGYUI SIMEON Năm sinh: 1980, Hộ chiếu: A37043617, cấp ngày 13/9/2024 Quốc tịch: Hoa Kỳ	P2-304	P2-3.04	3	3B	71.10	76.50	Sở hữu riêng	Căn hộ ở

30	254	Ông PHAM THUAN NGOC Năm sinh:1965, Hộ chiếu:567406892, cấp ngày 01/8/2019 Quốc tịch: Hoa Kỳ	P2-405	P2-4.05	4	3B	103.20	110.30	Sở hữu riêng	Căn hộ ở
31	255	Ông MALEAIT MATHIAS LUC N. Năm sinh:1981, Hộ chiếu:ET001748, cấp ngày 11/11/2020 Quốc tịch: Bì	P2-505	P2-5.05	5	3B	103.20	110.30	Sở hữu riêng	Căn hộ ở
32	256	Ông LEE STEVEN HSUN FENG Năm sinh:1973, Hộ chiếu:683419011, cấp ngày 16/8/2022 Quốc tịch: Mỹ	P2-1001	P2-10.01	10	3B	66.20	69.70	Sở hữu riêng	Căn hộ ở
33	257	Ông TSAO HONGYUI SIMEON Năm sinh:1980, Hộ chiếu: A37043617, cấp ngày 13/9/2024 Quốc tịch: Mỹ	P2-1204	P2-12.04	12	3B	71.10	76.50	Sở hữu riêng	Căn hộ ở
34	258	Ông LUJITEN JACOB WALT Năm sinh:1986, Hộ chiếu: BEJCPHF2, cấp ngày 07/12/2017 Quốc tịch: Hà Lan	P2-1405	P2-14.05	14	3B	103.20	110.30	Sở hữu riêng	Căn hộ ở
35	259	Ông LIN, CHIA-HAO Năm sinh:1973, Hộ chiếu: 366446508, cấp ngày 20/6/2024 Quốc tịch: Trung Quốc (Đài Loan)	P2-1501	P2-15.01	15	3B	66.50	70.10	Sở hữu riêng	Căn hộ ở
36	260	Ông PÉPIN ERIC Năm sinh:1975, Hộ chiếu: HM673245, cấp ngày 14/10/2016 Quốc tịch: Canada	P2-2602	P2-26.02	26	3B	153.40	159.80	Sở hữu riêng	Căn hộ ở
37	261	Ông SHIGEMATSU NAOTOSHI Năm sinh:1982, Hộ chiếu: TZ2166635, cấp ngày 14/10/2022 Quốc tịch: Nhật Bản Bà SHIGEMATSU SAYURI Năm sinh:1986, Hộ chiếu: TM0126917, cấp ngày 08/4/2025 Quốc tịch: Nhật Bản	P2-27A01	P2-27A.01	27A	3B	140.60	146.90	Sở hữu chung	Căn hộ ở